

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04A/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 29-10-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thúy An

2. Ông Đào Hoàng Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Danh Khênh- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Mỹ P, xã Y, huyện N, tỉnh H (có đơn xin vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh Khương Minh N, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp C, xã P, huyện T, tỉnh K (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2021 và bản tự khai ngày 24/6/2021 nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh N kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Phong vào 09/4/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, lý do trong cuộc sống có nhiều quan điểm không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra bất đồng ý kiến. Mặc dù vợ

chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị H và anh N có 01 người con chung tên Khương Hoàng H, sinh ngày 03/3/2012 hiện đang sống cùng với chị H, chị H yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 29/9/2021 bị đơn anh Khương Minh N trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh N đồng ý ly hôn với chị H.
- *Về con chung:* Anh đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.
- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết và cũng không nợ ai.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị yêu cầu của chị H với anh N. Về con chung: Giao cháu Khương Hoàng H, sinh ngày 03/3/2012 cho chị H nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị H có đơn xin vắng mặt phiên tòa nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H. Bị đơn anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh N không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Chị H xin ly hôn với anh N và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phong năm 2012 và được cấp giấy đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng ý kiến dẫn đến cự cãi nhau nên không thể hàn gắn được, vợ chồng sống ly thân từ 2017 cho đến nay, anh N trở về địa phương anh N, chị H trở về quê chị H sinh sống, trong thời gian sống ly thân mỗi người sống mỗi nơi, không ai tới lui thăm nhau. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh N đồng ý ly hôn với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H với anh N.

[4] *Về con chung*: Chị H và anh N có 01 người con chung tên Khương Hoàng H, giới tính nam, sinh ngày 03/3/2012, cháu H hiện đang sống cùng chị H. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy nguyện vọng của cháu H được chung sống với chị H, từ khi chị H và anh N sống ly thân cho đến nay chị H là người trực tiếp nuôi con, cuộc sống của con được đảm bảo, chính quyền địa phương xác nhận chị H có đủ điều kiện nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình HĐXX thống nhất giao cháu Khương Hoàng H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con, anh N có quyền tới lui chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H và anh N đều xác định vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và xác định vợ chồng không nợ ai, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị H là nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Khương Minh N.

2. Về con chung: Giao cháu Khương Hoàng H, giới tính nam, sinh ngày 03/3/2012 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng (cháu H hiện đang sống với chị H), anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền tới lui, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H, anh N xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004048 ngày 07/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; chị H đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn chị H có đơn xin vắng mặt phiên tòa, bị đơn anh N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Phong (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng